

SOME ISSUES OF ETHNICITY AND ETHNIC RELATIONS IN THE VIETNAM - CHINA BORDER AREA

Pham Quang Linh

Institute of Anthropology; Email: pqlinh.vass@gmail.com

Received: 16/10/2022; Reviewed: 24/10/2022; Revised: 27/10/2022; Accepted: 31/10/2022; Released: 18/11/2022

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/772>

The Vietnam-China border area is home to many ethnic minorities belonging to different language groups and cultural diversity. Among these minorities, there are many ethnic minorities have migrated from the South of China to live stably and develop steadily in the territory of Vietnam. These ethnic groups are also maintaining and developing cross-border relations with people of the same and different ethnicities on the Chinese side. Also in this area, in recent years, the relationship between ethnicity and religion is appearing and forming more and more clearly the ethnic-religious community, which is mainly Protestant in a part of the Mong, Dao... ethnic groups. Besides, the relations of the ethnic groups on both sides of the border have also developed comprehensively and deeply, of which the most prominent is cross-border livelihood and marriage activities. These relationships have stalled due to the Covid-19 outbreak in the last three years. The above matters are urgent issues that need to be studied in depth from a specialized and interdisciplinary perspective to contribute scientific and practical bases for the planning and implementation of appropriate, effective policies consequences for ethnic minorities living in Vietnam border areas.

Keywords: *Vietnam - China border area; Ethnic relations; Cross-border ethnic relations; Cross-border livelihood; Cross-border marriage.*

1. Đặt vấn đề

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, nhiều tôn giáo, có đường biên giới trên đất liền tiếp giáp với Trung Quốc ở phía Bắc trải dài trên địa bàn 7 tỉnh gồm Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn và Quảng Ninh. Dân cư sinh sống tại các tỉnh này ngoài người Kinh (Việt), còn có nhiều dân tộc thiểu số thuộc các nhóm ngôn ngữ khác nhau, có dân số khác nhau, có sự phát triển không đồng đều về kinh tế - xã hội và sự khác biệt về văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng... Dân tộc, quan hệ dân tộc và chính sách dân tộc ở vùng biên giới là những vấn đề mang tính chiến lược, lâu dài, đồng thời cũng là những vấn đề mang tính cơ bản, thời sự và cấp bách của cộng đồng quốc gia - dân tộc. Đây cũng là những vấn đề phức tạp và nhạy cảm, có thể gây nên sự mất ổn định an ninh xã hội, thậm chí cản trở đến sự phát triển của quốc gia - dân tộc. Trong bối cảnh hiện nay, khi mà tiến trình hội nhập và toàn cầu hóa đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ, sâu rộng và đang trở thành xu hướng chủ đạo của thời đại, thì vấn đề dân tộc, quan hệ dân tộc và chính sách dân tộc trong quốc gia Việt Nam đa tộc người và đặc biệt là tại các địa bàn vùng biên giới, trong đó có vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc lại càng cần phải được nghiên cứu một cách có hệ thống, chuyên sâu, đồng thời chú trọng cả về lý luận cũng như thực tiễn.

2. Tổng quan nghiên cứu

Cho đến nay, vấn đề dân tộc, quan hệ dân tộc và các khía cạnh đời sống kinh tế, xã hội, văn hóa của

các tộc người ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc đã và đang thu hút sự quan tâm nghiên cứu của nhiều tác giả thuộc các chuyên ngành khoa học khác nhau, nhất là Dân tộc học/Nhân học. Nhiều công trình nghiên cứu đề cập các chủ đề khác nhau ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc và các tộc người ở nơi đây đã được xuất bản với các loại hình như sách, kỷ yếu hội nghị khoa học quốc gia, kỷ yếu hội thảo, các bài tạp chí, đề tài khoa học các cấp, luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ... với những đối tượng và phạm vi nghiên cứu đa dạng. Trong số đó, có các công trình nghiên cứu chuyên sâu như: Khổng Diễn (1995), “Dân số và dân số tộc người”, Nguyễn Chí Huyền (2000), “Nguồn gốc lịch sử tộc người vùng biên giới phía Bắc Việt Nam”; Đặng Nghiêm Vạn (2001), “Dân tộc, Văn hóa, Tôn giáo”; Đặng Nghiêm Vạn (2003), “Cộng đồng quốc gia dân tộc”; Bùi Xuân Đính, Nguyễn Ngọc Thanh (2013) “Một số vấn đề cơ bản về kinh tế - xã hội ở các vùng biên giới Việt Nam”; Đặng Thị Hoa (2016), “Hôn nhân xuyên biên giới với quản lý xã hội ở vùng dân tộc, miền núi”; Lý Hành Sơn, Trần Thị Mai Lan (2017), “Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia ở Việt Nam (nghiên cứu tại vùng miền núi phía Bắc)”; Trần Hồng Hạnh (2018), “Chuyển đổi sinh kế của các tộc người thiểu số ở vùng biên giới Việt Trung”; Vũ Trường Giang (2018), “Di dân xuyên biên giới của các tộc người thiểu số ở vùng Tây Bắc Việt Nam”; Đậu Tuấn Nam (2018), “Quản lý hoạt động di cư xuyên biên giới của các dân tộc thiểu số ở tỉnh Điện Biên hiện nay”... Bên cạnh đó, nhiều

báo cáo tham luận đã được công bố trong Kỷ yếu hội nghị khoa học quốc gia năm 2017 về chủ đề “Một số vấn đề về dân tộc, tộc người ở vùng biên giới và liên xuyên biên giới nước ta hiện nay” (Viện Dân tộc học, 2018). Nhiều bài viết đăng trong các tạp chí khoa học những năm gần đây đề cập đến vấn đề di cư lao động làm thuê xuyên biên giới, sinh kế của các tộc người thiểu số ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc của các tác giả Vũ Đình Mười (2020), Hoàng Phương Mai (2020), Lê Thị Mùi, Nguyễn Thị Thanh Bình (2022)...; về hôn nhân xuyên biên giới có các bài viết của Đặng Thị Hoa (2015), Hoàng Phương Mai (2020, 2022)... Tuy nhiên, trong số các công trình nghiên cứu đã triển khai, chưa có công trình nghiên cứu nào khái quát toàn diện về vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc ở biên giới Việt Nam - Trung Quốc, đặc biệt những nghiên cứu hầu như chưa chỉ ra được hiện trạng và sự thay đổi của các vấn đề nêu trên trong bối cảnh tác động mạnh mẽ của đại dịch Covid-19 diễn ra từ năm 2019 đến nay. Đây cũng chính là sự khác biệt lớn nhất giữa kết quả nghiên cứu của tác giả với các công trình nghiên cứu đã được thực hiện trước đây.

3. Phương pháp nghiên cứu

Trong khuôn khổ bài tạp chí, tác giả tập trung tìm hiểu về đặc điểm cơ cấu dân tộc, mối quan hệ dân tộc ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc trong những năm qua, dựa trên cách tiếp cận chuyên ngành Dân tộc học/Nhân học và liên ngành khoa học xã hội. Đồng thời, tác giả tổng quan tài liệu thứ cấp, tổng hợp kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học đã được thực hiện về vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc, phân tích, đánh giá, so sánh với kết quả nghiên cứu thực địa của tác giả trong những chuyến điền dã tại khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc vào năm 2021, 2022, từ đó rút ra những kết luận về sự thay đổi, xu hướng và hành động cần thiết đối với của các vấn đề nêu trên.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Sự đa dạng, phức tạp về cơ cấu dân tộc ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc

Bức tranh phân bố thành phần tộc người ở các tỉnh thuộc vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc hiện nay rất đa dạng, bao gồm các nhóm ngôn ngữ Việt - Mường, Tày - Thái, Kadai, Mông - Dao, Tạng - Miến, Hán, Môn - Khmer với các tộc người: Kinh (Việt), Tày, Nùng, Sán Chay (nhóm Cao Lan, Sán Chỉ), Giáy, Bô Y, Thái, Lự, La Chí, Cơ Lao, Pu Páo, Mông, Dao, Pa Thên, Hà Nhì, La Hủ, Phù Lá, Lô Lô, Công, Si La, Hoa, Sán Diu, Ngái, Mảng...

Ở khu vực miền núi phía Bắc, trong đó có các tỉnh vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc, nhiều tộc người đã di chuyển qua đường biên giới quốc gia mà chủ yếu là từ phương Bắc chuyển tới thuộc các giai đoạn lịch sử khác nhau và vì những lý do khác nhau. Sự di chuyển nhân khẩu từ phương Bắc tới khi thì thưa thớt, lúc ồ ạt nên đã gây ra những

xáo trộn về thành phần dân tộc, để lại những bất hợp lý về mặt cơ cấu dân cư, đồng thời kéo theo những phức tạp khác về mặt xã hội (Diễn, 1995, tr.121). Nguồn gốc và lịch sử tộc người ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc đã được đề cập khá cụ thể trong các công trình nghiên cứu của Nguyễn Chí Huyền (2000), Đặng Nghiêm Vạn (2003). Những tộc người có nguồn gốc từ Trung Quốc di cư sang Việt Nam là một bộ phận và thường có dân số ít hơn nhiều so với các đồng tộc ở phía Trung Quốc. Chẳng hạn, ở Việt Nam người Mông có 1.393.547 người, người Dao có 891.151 người (Ủy ban Dân tộc & Tổng cục thống kê, 2019) thì ở Trung Quốc hai dân tộc này có khoảng 10 triệu người. Ở Việt Nam, các tộc người thuộc nhóm Tày - Thái có 3 triệu người thì ở Trung Quốc có khoảng 30 triệu người (Nam, 2018, tr.262), người Hà Nhì có 21.000 người sinh sống ở Việt Nam trong khi có 1,25 triệu người Hà Nhì sống tại Trung Quốc (Giang, 2018, tr.144). Điều này cũng tương tự đối với tộc người ở các nhóm ngôn ngữ khác.... Tại Trung Quốc, các tộc người xuyên biên giới cư trú tập trung ở hai tỉnh biên giới tiếp giáp với Việt Nam là Quảng Tây (Khu tự trị dân tộc Choang) và Vân Nam, ngoài ra còn cư trú ở các tỉnh khác của Trung Quốc.

Từ sự phân bố dân tộc ở trên cho thấy, ở khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc, địa bàn phân bố cư trú của tộc người và biên giới quốc gia không trùng nhau. Nhiều tộc người vừa cư trú ở Việt Nam vừa sinh sống ở Trung Quốc và cho đến nay họ vẫn có mối quan hệ đồng tộc, thân tộc, gia đình rất thân thiết. Một điều cần lưu ý, đó là một số tộc người thiểu số tại khu vực biên giới phía Bắc nước ta có nhiều đồng tộc cư trú không chỉ ở miền Nam Trung Quốc mà còn sinh sống ở các quốc gia khác như Lào, Myanmar, Thái Lan, Pháp, Mỹ, Canada, Úc... (các tộc người Thái, Lào, Lự, Mông, Dao, Hà Nhì, Khor-mú,...). Như vậy, có thể thấy rằng, một số tộc người thiểu số ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc thường phân bố ở hai hoặc nhiều quốc gia. Trước đây, các dân tộc thiểu số (DTTS) ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc chủ yếu thực hành các loại hình tôn giáo tín ngưỡng truyền thống của dân tộc mình, đó là tôn giáo vạn vật hữu linh, bao gồm hệ thống tín ngưỡng và các nghi lễ xung quanh các thần linh của con người và của tự nhiên. Các tín ngưỡng và các nghi lễ truyền thống của từng tộc người phản ánh những đặc trưng riêng, thực hiện chức năng cố kết và phân biệt tộc người này với tộc người khác. Tuy nhiên, kể từ những năm 1980 của thế kỷ XX đến nay, trong điều kiện mới về kinh tế - xã hội, nhất là dưới tác động của quá trình hội nhập và toàn cầu hóa đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ, mối quan hệ giữa yếu tố dân tộc và yếu tố tôn giáo thường đan xen lẫn nhau, liên kết với nhau rất chặt chẽ. Một bộ phận cư dân của một số tộc người thiểu số tại một số địa phương thuộc các tỉnh vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc đã chuyển đổi

từ tôn giáo tín ngưỡng truyền thống sang các tôn giáo mới, đặc biệt là đạo Tin lành. Sự phát triển của đạo Tin lành trong cộng đồng tộc người đã tạo nên nhiều hệ lụy trong nội bộ tộc người, trong mối liên hệ vùng và liên quốc gia... Sự hình thành các tôn giáo mới đã phá vỡ tín ngưỡng truyền thống và kéo theo đó là sự phá vỡ kết cấu văn hóa truyền thống tộc người vốn làm nên bản sắc của tộc người (Nam, 2018, tr.273).

4.2. Một số mối quan hệ dân tộc xuyên biên giới ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

Quan hệ dân tộc/tộc người xuyên biên giới được hiểu là mối quan hệ của các tộc người ở một quốc gia với những đồng tộc hoặc khác tộc ở các quốc gia khác.

Như đã trình bày, một số tộc người thiểu số cư trú tại địa bàn vùng biên giới phía Bắc Việt Nam đều có nhiều đồng tộc sinh sống ở hai tỉnh Vân Nam, Quảng Tây (Khu tự trị dân tộc Choang) và một số địa phương khác của Trung Quốc hoặc ở một số quốc gia khác. Một điều dễ nhận thấy là, nếu so sánh dân số của các tộc người ở vùng biên giới Việt Nam với những đồng tộc của họ ở Trung Quốc thì các tộc người đó ở bên kia biên giới thường có số lượng đông hơn. Mối quan hệ với người cùng tộc ở những nước láng giềng bên kia biên giới hay ở các quốc gia khác không chỉ phụ thuộc vào bản thân tộc người, mà còn phụ thuộc vào tình hình chính trị - xã hội ở khu vực, trên thế giới, nhất là vào ý đồ thiên chí hay thiên thiện chí của những người nắm giữ chính quyền quốc gia - dân tộc mà tộc người đó cư trú (Vạn, 2001, tr.71).

Trong thực tế, các mối quan hệ đồng tộc, thân tộc, khác tộc xuyên biên giới ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc được thể hiện rất đa dạng và trên nhiều lĩnh vực của đời sống tộc người. Ở đây, bài viết tập trung đề cập hai quan hệ đã diễn ra thường xuyên tại khu vực này trước khi đại dịch Covid-19 bùng phát, đó là sinh kế xuyên biên giới và hôn nhân xuyên biên giới.

4.2.1. Sinh kế xuyên biên giới

Sinh kế tộc người được hiểu là cách thức kiếm sống của mỗi tộc người khi sử dụng các nguồn lực (nguồn vốn) để tạo ra các sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu cuộc sống hiện tại và lâu dài của mình. Sinh kế tộc người còn được hiểu là hoạt động mưu sinh, phương thức mưu sinh, hoạt động kinh tế, hoạt động kiếm sống của con người và các tộc người (Linh, 2017, tr.27).

Tại địa bàn vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc, dưới sức ép của nhu cầu mưu sinh và chi tiêu, trong khi công việc tại địa phương lại không thể đáp ứng được, nhiều người dân các tộc người thiểu số như Tày, Nùng, Giáy, Mông, Dao, Lô Lô, Hà Nhì... tại địa bàn các tỉnh biên giới và từ các tỉnh khác ở nước ta đã di cư sang Trung Quốc để tìm kiếm việc làm với các loại hình công việc khác nhau. Nguyên

nhân trực tiếp của hiện tượng di cư lao động làm thuê xuyên biên giới là do sự phát triển kinh tế - xã hội nhanh chóng ở các khu vực biên giới phía Trung Quốc do tác động của chính sách “Hưng biên, Phú dân” mà Trung Quốc đã thực hiện từ nhiều năm nay và sự bùng nổ trong quan hệ thương mại, biên mậu giữa hai nước (Mười, 2020, tr.20).

Những công việc làm thuê xuyên biên giới rất đa dạng như khâu vá, trồng chuối, trồng dưa, thu hoạch hoa quả, chặt mía, hái nấm, làm việc trong các công ty, trang trại tại địa phương... Quá trình thực tế điền dã của tác giả vào năm 2021 đối với người Giáy sinh sống tại huyện Bát Xát và người Mông sinh sống tại huyện Mường Khương (tỉnh Lào Cai) đã khẳng định các công việc trên vẫn đang là những công việc phổ biến nhất cho đến thời điểm trước khi đại dịch Covid-19 bùng phát. Kết quả thực địa chỉ ra rằng, người Mông dường như là DTTS chiếm tỷ lệ cao nhất tham gia lao động xuyên biên giới, đồng thời cũng là dân tộc vào sâu trong nội địa Trung Quốc nhất và thường đi làm dài ngày hơn so với các dân tộc khác. Các DTTS khác như Giáy, Dao, Hà Nhì... chủ yếu lao động ở sát biên giới và đi về trong ngày. Tuy công việc làm thuê ở Trung Quốc khá nặng nhọc và phải chịu đựng nhiều vất vả trên chặng đường di cư qua biên giới cũng như trong thời gian làm việc, nhưng người dân các tộc người thiểu số ở các tỉnh biên giới phía Bắc vẫn tìm đến những người đã từng đi làm thuê, những người môi giới lao động xuyên biên giới, hoặc thông qua những người đồng tộc, anh em họ hàng thân thuộc, người quen ở Trung Quốc để tìm kiếm cơ hội việc làm nhằm có thêm nguồn thu nhập phục vụ cho nhu cầu cuộc sống của gia đình. Những kết quả nghiên cứu đã công bố cũng cho thấy, số người lao động làm thuê xuyên biên giới tại các tỉnh biên giới Việt Nam - Trung Quốc là tương đối đông và mức thu nhập khá cao so với làm ruộng tại quê nhà (Lý Hạnh Sơn, Trần Thị Mai Lan, 2017; Vũ Đình Mười, 2020; Hoàng Phương Mai, 2021).

Kết quả nghiên cứu của Lê Thị Mùi và Nguyễn Thị Thanh Bình công bố năm 2022 cho thấy, có sự thay đổi sinh kế của người dân khu vực biên giới từ năm 2007 đến nay, trong đó có nêu lên sự thay đổi trong hoạt động sinh kế của người dân trong 2 năm (2020-202) đại dịch Covid-19. Trước khi có dịch Covid-19, người Lô Lô ở xã Lũng Cú (huyện Đồng Văn, Hà Giang) cũng sang Trung Quốc làm thuê, đi từ vài tháng đến một năm. Từ khi có dịch Covid-19, các lao động trẻ chuyển sang làm việc tại các khu công nghiệp trong nước (Mùi & Bình, 2022, tr.40,44). Một nghiên cứu mới đây của Nguyễn Thị Tám cho thấy một góc nhìn khác về “công cụ và phương thức” trao đổi của người dân hai bên biên giới trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19. Đó là, trong bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, đường biên giới được kiểm soát chặt chẽ và các điểm biên mậu bị đóng cửa, các thương lái người Mông, Tày, Nùng ở

Việt Nam và người Trung Quốc đã lập những nhóm Zalo, Facebook, Wechat để trao đổi, mua bán gia súc xuyên biên giới (Tám, 2022, tr.38-40)

Kết quả đã công bố của các nhà nghiên cứu kể trên cũng gần như đồng nhất với những gì tác giả đã kiểm chứng tại thực địa trong hai đợt nghiên cứu điền dã về người Giáy và người Mông tại huyện Bát Xát và huyện Mường Khương của tỉnh Lào Cai vào năm 2021, 2022. Do đó, có thể khái quát rằng, trước khi dịch Covid-19 bùng phát, tại khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc, cư dân các DTTS ở các tỉnh biên giới di cư sang Trung Quốc làm thuê được tiếp cận làm những công việc khác nhau, có thu nhập khá cao, tiếp nhận được kinh nghiệm và kỹ thuật trồng trọt...

4.2.2. Hôn nhân xuyên biên giới

Hôn nhân xuyên biên giới được hiểu là hình thức kết hôn giữa những người đồng tộc, khác tộc ở Việt Nam với những người đồng tộc hoặc khác tộc ở bên kia biên giới.

Như đã đề cập về sự đa dạng, phức tạp của cơ cấu tộc người ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc, tại địa bàn các tỉnh biên giới của Việt Nam tiếp giáp với Trung Quốc có nhiều tộc người thiểu số sinh sống, trong đó một số tộc người vốn có nguồn gốc từ bên kia biên giới. Phần lớn những người đồng tộc của họ đang sinh sống ở Trung Quốc, trong đó có hai tỉnh Vân Nam và Quảng Tây (Khu tự trị dân tộc Choang). Từ lâu, theo dòng thời gian, nhất là trong những năm gần đây, quan hệ đồng tộc, thân tộc, khác tộc xuyên biên giới đã và đang diễn ra thường xuyên trên nhiều lĩnh vực, trong đó có các cuộc hôn nhân đồng tộc, khác tộc xuyên biên giới. Tại các huyện biên giới của tỉnh Lạng Sơn, đến cuối năm 2011 đã có 3.004 trường hợp kết hôn xuyên biên giới Việt Nam - Trung Quốc, trong đó chủ yếu là phụ nữ Nùng hoặc Tày lấy chồng ở Trung Quốc. Hầu hết, các cuộc hôn nhân xuyên biên giới của các tộc người đều chưa đăng ký kết hôn (Son, 2019, tr.27). Phụ nữ trên địa bàn tỉnh Hà Giang kết hôn xuyên biên giới với người Trung Quốc có chiều hướng gia tăng với gần 21.500 lượt phụ nữ di cư qua biên giới, trong đó có trên 800 trường hợp phụ nữ lấy chồng Trung Quốc. Hầu hết, các cuộc hôn nhân xuyên biên giới đều bất hợp pháp, không thực hiện các thủ tục pháp lý về đăng ký kết hôn. Đối với những trường hợp cuộc hôn nhân không thể tiếp tục duy trì, đa số phụ nữ quay trở về địa phương với đôi bàn tay trắng, không có giấy tờ tùy thân nên gặp rất nhiều khó khăn trong cuộc sống (Mai, 2020, tr.85).

Một số kết quả nghiên cứu đã công bố cho thấy, tại các địa bàn vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc đều có những cuộc hôn nhân xuyên biên giới diễn ra theo hai dạng thức sau: *Một là*, kết hôn giữa người dân tộc phía biên giới Việt Nam với người đồng tộc ở bên Trung Quốc, trong đó thể hiện đậm nét hơn cả là ở người Mông. *Hai là*, kết hôn giữa các dân tộc ở phía Việt Nam (Tày, Nùng, Giáy, Dao...) với người

đồng tộc, khác tộc ở bên Trung Quốc, tuy nhiên, họ vẫn ưa thích lựa chọn người bạn đời là người đồng tộc hoặc trong các dân tộc thuộc cùng một nhóm ngôn ngữ với mình hơn. Đối với cả hai dạng thức như vừa được đề cập, chủ yếu là phụ nữ các dân tộc ở Việt Nam sang lấy chồng ở Trung Quốc và những người này không chỉ kết hôn với người đồng tộc và khác tộc mà còn kết hôn với cả người Hán ở bên kia biên giới (Hoa, 2016). Một số nghiên cứu đã chỉ ra một trong những nguyên nhân quan trọng khiến người DTTS ở các tỉnh Cao Bằng, Hà Giang và Lai Châu di cư tự do qua biên giới sang Trung Quốc đó là tìm việc làm và kết hôn (Giang, 2018, tr.113). Hôn nhân đồng tộc xuyên biên giới đã diễn ra ở đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc giữa nhóm dân tộc Tày, Nùng phía Việt Nam với các đồng tộc bên kia Trung Quốc là Choang và các dân tộc Hà Nhì, Lô Lô phía Việt Nam với đồng tộc phía bên kia Trung Quốc là người Yi (Thư & Dương, 2018, tr.778). Hoàng Phương Mai cho rằng, hôn nhân của người Hà Nhì ở xã Y Tí (huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai) với đồng tộc bên kia biên giới Trung Quốc diễn ra khá phổ biến vào thời điểm trước năm 1979, theo một chiều là nữ Hà Nhì người Việt Nam kết hôn với nam giới Hà Nhì người Trung Quốc. Những năm sau đó, số lượng các cặp hôn nhân đồng tộc Hà Nhì xuyên biên giới giảm đi đáng kể theo thời gian và hầu hết không đăng ký kết hôn với chính quyền. Trong quan hệ hôn nhân xuyên biên giới, yếu tố đồng tộc cũng giảm dần và yếu tố khác tộc đang gia tăng. Các trường hợp hôn nhân đồng tộc xuyên biên giới có chiều hướng giảm từ giai đoạn 2013-2017 và đến những năm 2018, 2019 chỉ còn 1 đến 2 trường hợp mỗi năm. Sau khi dịch Covid-19 bùng phát, hiện tượng này đã ngừng hẳn (Mai, 2022). Vào các năm 2021 và 2022, trong khuôn khổ các chuyến điền dã thực địa của tác giả tại khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc tại tỉnh Lào Cai, kết quả làm việc với các cấp chính quyền, với người dân và quan sát thực tiễn cũng cho thấy việc kết hôn hầu như không diễn ra bởi nhiều lý do, trong đó đa phần các lý do đều liên quan tới dịch bệnh Covid-19 như việc hạn chế đi lại, tiếp xúc, giao thương, xây dựng hàng rào biên giới của Trung Quốc...

5. Thảo luận

Căn cứ trên những phân tích từ các công trình nghiên cứu đi trước, tổng quan tài liệu thứ cấp và quan sát, làm việc trực tiếp tại thực địa. Tác giả nhận thấy có một số nội dung chính gắn với vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc ở khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc như sau:

Thứ nhất, các tộc người cư trú ở khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc tuy thuộc về những cộng đồng chính trị - xã hội khác nhau, nhưng mối quan hệ xuyên biên giới/xuyên quốc gia giữa những người đồng tộc, anh em họ hàng thân tộc vẫn được duy trì và có xu hướng ngày càng mở rộng, gia tăng và không bị cản trở bởi sự cách biệt về không gian

địa lý, địa bàn cư trú cũng như đường biên giới quốc gia. Đây là những mối quan hệ rất đa chiều, phức tạp và nhạy cảm, cần phải thường xuyên quan tâm trong việc xây dựng và thực thi các chính sách nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững, đảm bảo quốc phòng, an ninh tại vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc trong bối cảnh của cuộc cách mạng 4.0, của quá trình hội nhập và toàn cầu hóa.

Trong những năm gần đây đã xuất hiện cộng đồng dân tộc - tôn giáo (chủ yếu là đạo Tin lành ở người Mông, Dao...) tại một số địa bàn, trong đó có khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Sự xuất hiện các cộng đồng tộc người - tôn giáo là một trong những nguyên nhân gây ra mâu thuẫn giữa những cư dân cùng một tộc người nhưng lại theo tôn giáo khác nhau. Sự liên kết tộc người - tôn giáo là một trong những vấn đề mới nảy sinh và có xu hướng ngày càng gia tăng. Sự liên kết này làm cho ý thức tộc người trở dậy và ảnh hưởng đến ý thức về quốc gia dân tộc, là một vấn đề cần phải hết sức lưu ý.

Thứ hai, việc đi làm xuyên biên giới đã từng là một xu hướng đem lại thu nhập cao cho các hộ gia đình sinh sống tại khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Tuy nhiên, kể từ khi dịch Covid-19 bùng phát, hoạt động này đã bị gián đoạn do chính sách “zero Covid” của Trung Quốc. Trung Quốc đã thực thi các giải pháp như đóng cửa các cửa khẩu dân sinh, quản lý, kiểm soát chặt chẽ các cửa khẩu kinh tế chính ngạch, đường biên giới; đã dựng hàng rào kiên cố, thậm chí có những đoạn rào chắn bằng dây thép gai gắn camera. Điều này đã tác động mạnh mẽ tới hoạt động qua lại, giao thương của các tộc người sinh sống tại địa bàn biên giới. Với việc Trung Quốc xác định tiếp tục duy trì chính sách zero Covid trong thời gian tới, hoạt động sinh kế xuyên biên giới của người dân sẽ tiếp tục gặp khó khăn và chỉ có thể đón nhận những tín hiệu tích cực khi Trung Quốc thay đổi chính sách.

Thứ ba, đối với hoạt động hôn nhân xuyên biên giới, có thể nhận thấy rằng hoạt động này đang có

xu hướng giảm trong thời gian gần đây, hiện tại đang tạm thời bị gián đoạn và dừng lại. Tuy nhiên, hoạt động này hoàn toàn có thể quay trở lại khi dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát. Trong suốt chiều dài lịch sử đã cho thấy, các cuộc hôn nhân đồng tộc xuyên biên giới Việt Nam - Trung Quốc ẩn chứa những yếu tố tích cực nhưng cũng có những mặt tiêu cực, tiềm ẩn cả các rủi ro liên quan tới vấn đề gia đình, quan hệ xã hội, dòng họ... Vì vậy, vẫn cần lưu tâm tới hoạt động hôn nhân xuyên biên giới này và tiếp tục quan tâm nghiên cứu để kịp thời có những chính sách ứng phó.

6. Kết luận

Vấn đề dân tộc, quan hệ dân tộc ở vùng biên giới là vấn đề quan trọng, phức tạp và nhạy cảm, có ảnh hưởng lớn đến quốc phòng, an ninh, đến sự ổn định và phát triển bền vững của đất nước. Chính vì vậy, đối với các quốc gia nói chung, đối với quốc gia - dân tộc Việt Nam nói riêng, vấn đề này phải được đặt ở vị trí xứng tầm trong chiến lược phát triển quốc gia - dân tộc. Trong bối cảnh tình hình Covid-19 vẫn đang diễn biến phức tạp, Việt Nam và Trung Quốc có những chính sách khác nhau đối với việc ứng phó với dịch bệnh Covid-19 (Việt Nam đã mở cửa trong khi Trung Quốc vẫn quán triệt chính sách zero Covid), Đảng và Nhà nước Việt Nam cần có sự nhận thức thấu đáo và cần đầu tư tiến hành các nghiên cứu chuyên sâu dưới góc độ chuyên ngành và liên ngành về các động thái, xu hướng của vấn đề dân tộc và các mối quan hệ dân tộc, quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề tôn giáo ở vùng biên, đặc biệt là các quan hệ dân tộc xuyên biên giới trên các lĩnh vực kinh tế/sinh kế, xã hội, văn hóa, hôn nhân gia đình... cũng như tác động của những vấn đề này. Có như vậy mới có thể nhận diện đúng thực trạng, những vấn đề đặt ra, trên cơ sở đó ban hành và thực thi các chính sách phù hợp với đặc thù vùng biên giới đất nước, góp phần giữ vững an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội và tạo điều kiện phát triển kinh tế bền vững ở khu vực này nói riêng và cả nước nói chung trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Diễn, K. (1995). *Dân số và Dân số tộc người ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
- Giang, V. T. (2018). *Dị dân xuyên biên giới của các tộc người thiểu số ở vùng Tây Bắc Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Lý luận Chính trị.
- Hạnh, T. H. (2018). *Chuyển đổi sinh kế của các dân tộc thiểu số ở vùng biên giới Việt - Trung*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
- Hoa, Đ. T. (2015). *Hôn nhân xuyên biên giới với quản lý xã hội ở vùng dân tộc, miền núi*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
- Hoan, P. Q. (2013). *Một số vấn đề cơ bản trong phát triển bền vững các tỉnh biên giới Việt Nam*

- giai đoạn 2011-2020*. Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ lưu tại thư viện Viện Dân tộc học.
- Huyền, N. C. (2000). *Nguồn gốc lịch sử tộc người vùng biên giới phía Bắc Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.
- Linh, P. Q. (2017). *Sinh kế của người Thái tái định cư thủy điện Sơn La*. Luận án Tiến sĩ lưu tại Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
- Mai, H. P. (2020). Một số vấn đề về chính sách hôn nhân và gia đình ở vùng dân tộc thiểu số biên giới Việt Nam - Trung Quốc. *Tạp chí Dân tộc học*, số 6, tr.80-89.
- Mai, H. P. (2021). Sinh kế của các tộc người thiểu số ở biên giới Việt Nam - Trung Quốc

- trong bối cảnh đại dịch Covid-19 (Nghiên cứu trường hợp xã Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai). *Tạp chí Dân tộc học*, số 6, tr.40-52.
- Mai, H. P. (2022). Tác động của việc đóng cửa biên giới Việt Nam - Trung Quốc tới đời sống của người Nùng và người Mông ở khu vực giáp biên tỉnh Cao Bằng. *Tạp chí Dân tộc học*, số 3, tr.75-84.
- Mùi, L. T., & Bình, N. T. T. (2022). Đôi nét về đa dạng sinh kế của một số tộc người ở khu vực biên giới tỉnh Hà Giang. *Tạp chí Dân tộc học*, số 2, tr.35-47.
- Mười, V. Đ. (2020). Một số vấn đề về di cư lao động làm thuê xuyên biên giới của các tộc người thiểu số vùng biên giới Việt Nam. *Tạp chí Dân tộc học*, số 6, tr.15-24.
- Nam, Đ. T. (2018). *Quản lý hoạt động di cư xuyên biên giới của các dân tộc thiểu số ở tỉnh Điện Biên hiện nay*. Hà Nội: Nxb. Lý luận Chính trị.
- Nam, L. B. (2018). *Một số vấn đề cơ bản và cấp bách về dân tộc thiểu số ở Trung Quốc và khu vực Đông Nam Á*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Son, L. H. (2019). Thực trạng biến đổi quan hệ tộc người về kinh tế, xã hội, văn hóa và an ninh chính trị ở vùng Đông Bắc trong thời kỳ đổi mới. *Tạp chí Dân tộc học*, số 1, tr.22-33.
- Son, L. H., & Lan, T. T. M. (2017). *Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia Việt Nam: Nghiên cứu tại vùng miền núi phía Bắc*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
- Tám, N. T. (2022). Sinh kế và thích ứng sinh kế của người Mông ở thôn Pú Dô, xã Quang Hán, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng hiện nay. *Tạp chí Dân tộc học*, số 4, tr.31-42.
- Thư, N. T., & Dương, H. T. T. (2018). Quan hệ hôn nhân đồng tộc và xuyên quốc gia ở Việt Nam hiện nay và những vấn đề đặt ra. *Kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc gia của Viện Dân tộc học "Một số vấn đề về dân tộc, tộc người ở vùng biên giới và liên xuyên biên giới nước ta hiện nay"*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
- Ủy ban Dân tộc, & Tổng cục Thống kê. (2019). *Kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
- Vạn, Đ. N. (2001). *Dân tộc, Văn hóa, Tôn giáo*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
- Vạn, Đ. N. (2003). *Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam*. Nxb. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
- Viện Dân tộc học. (2018). Một số vấn đề về dân tộc, tộc người ở vùng biên giới và liên/xuyên biên giới nước ta hiện nay. *Kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc gia*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ DÂN TỘC VÀ QUAN HỆ DÂN TỘC Ở VÙNG BIÊN GIỚI VIỆT NAM - TRUNG QUỐC

Phạm Quang Linh

Viện Dân tộc học; Email: pqlinh.vass@gmail.com

Nhận bài: 16/10/2022; Phản biện: 24/10/2022; Tác giả sửa: 27/10/2022; Duyệt đăng: 31/10/2022; Phát hành: 18/11/2022

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/772>

Khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc là địa bàn cư trú của nhiều dân tộc thiểu số thuộc các nhóm ngôn ngữ khác nhau, có sự đa dạng văn hóa. Trong đó, một số dân tộc đã di cư từ phía Nam Trung Quốc tới sinh sống ổn định lâu đời và phát triển vững vàng trên lãnh thổ Việt Nam. Những dân tộc này hiện cũng đang duy trì và phát triển mối quan hệ xuyên biên giới với những người đồng tộc, thân tộc, khác tộc bên phía Trung Quốc. Cũng tại khu vực này, trong những năm gần đây, mối quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo đang xuất hiện và hình thành ngày càng rõ nét cộng đồng dân tộc - tôn giáo mà chủ yếu là Tin lành ở một bộ phận người Mông, Dao... Bên cạnh đó, các mối quan hệ của các dân tộc hai bên biên giới cũng ngày càng phát triển toàn diện và sâu rộng, trong đó nổi bật nhất là hoạt động sinh kế và hôn nhân xuyên biên giới. Các mối quan hệ này đã chứng lại do dịch bệnh Covid-19 bùng phát trong khoảng 3 năm trở lại đây. Những vấn đề kể trên là các vấn đề cấp thiết, cần được nghiên cứu chuyên sâu dưới góc độ chuyên ngành, liên ngành để góp thêm cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc hoạch định và thực thi các chính sách phù hợp, hiệu quả đối với các dân tộc sinh sống tại khu vực biên giới.

Từ khóa: Biên giới Việt Nam - Trung Quốc; Quan hệ dân tộc; Quan hệ dân tộc xuyên biên giới; Sinh kế xuyên biên giới; Hôn nhân xuyên biên giới.